TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 281/2023/HS-ST
Ngày 06-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Anh Tuấn;

2. Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tố Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023 tại Hội trường A, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 266/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 409/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân D, sinh năm 1989 tại tỉnh Nghệ An; thường trú: Xóm Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Nghệ An; chỗ ở: Khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; con ông Nguyễn Xuân S, sinh năm 1954 và bà Trịnh Thị C, sinh năm 1960; bị cáo có 04 anh em ruột, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1997; có vợ tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1990, bị cáo có 02 con ruột, lớn năm 2009, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân:

- Ngày 27/11/2013, bị UBND thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương ra quyết định đưa đối tượng nghiện ma túy vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc với thời gian 24 tháng, theo Quyết định số 7047/QĐ-UBND, chấp hành xong quyết định ngày 30/9/2015;

- Ngày 07/12/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 18 tháng, theo Quyết định số 619/QĐ-TA, chấp hành xong quyết định ngày 25/01/2019.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2023 cho đến nay; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Đậu Văn M, sinh năm 1972; thường trú: K, thị trấn C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; chỗ ở: Số D, tổ B, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Trần Đức T1, sinh năm 1985; thường trú: Xóm B, xã C, huyện T, tỉnh Nghệ An; chỗ ở: Tổ A, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Ông Đặng Văn H, sinh năm 1980; thường trú: TDP N, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Quang T2, sinh năm 1982; thường trú: Xóm Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

** Người tham gia tố tụng khác:*

- *Người chứng kiến:* Ông Nguyễn Xuân C1; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Xuân D là người không có việc làm và sử dụng trái phép chất ma túy. Khoảng 05 giờ 00 phút ngày 15/5/2023, D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave S, biển kiểm soát 49F1 – 020.76 từ nhà trọ của D tại khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương chạy lòng vòng đến các tuyến đường để tìm tài sản chiếm đoạt. Khi đến xưởng gỗ đóng pallet (không tên) tại số D, đường M - T, tổ B, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Binh Dương do anh Đậu Văn M làm chủ, D thấy cửa xưởng không đóng nên dừng xe phía trước xưởng gỗ. Sau đó, D đi bộ vào bên trong xưởng và lén lút lấy 01 máy quạt công nghiệp nhãn hiệu Quạt Vina màu đen, loại đứng (đã qua sử dụng) đem ra chỗ dựng xe mô tô để quạt lên xe. Sau đó D điều khiển xe chạy đến tiệm M1 (không tên) nằm trên đường M - T, thuộc khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương bán cho chủ tiệm là anh Trần Đức T1 với giá 400.000 đồng. Sau khi bán được quạt, D tiếp tục điều khiển xe mô tô chạy đến xưởng gỗ của anh M, vào bên trong thấy 01 máy quạt công nghiệp loại quạt bàn (không nhãn hiệu, đã qua sử dụng) nên lấy chiếc quạt chuẩn bị đi ra hướng cửa của xưởng gỗ thì bị anh Nguyễn Xuân C1 phát hiện truy hô. Lúc này, anh M cũng chạy đến cùng với tổ tuần tra của Công an phường T khống chế bắt giữ D giao cho Công an phường T lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang.

Ngoài ra, khoảng 12 giờ 00 ngày 14/5/2023, D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave S, biển kiểm soát 49F1 – 020.76 đến xưởng gỗ của anh Đậu Văn M lấy trộm 01 máy cắt sắt (không nhãn hiệu, đã qua sử dụng) và đem bán tại tiệm mua bán phế liệu của anh Trần Đức T1 được 800.000 đồng. Đến ngày 15/05/2023, D tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản thì bị bắt quả tang. Tổng số tiền D bản tài sản chiếm đoạt được là 1.200.000 đồng, nhưng chưa tiêu xài.

* Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave S, biển số 49F1 – 020.76, số khung RLHJC4310B199479, số máy JC43E1765920; 01 (một) máy cắt sắt (không nhãn hiệu, đã qua sử dụng); 01 (một) máy quạt công nghiệp nhãn hiệu Quạt Vina màu đen, loại đứng (đã qua sử dụng); 01 (một) máy quạt công nghiệp loại quạt bàn (không nhãn hiệu, đã qua sử dụng) và 1.200.000 đồng.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 83/BBĐG-HĐĐGTS ngày 23/05/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương, kết luận: 01 (một) máy cắt sắt (không nhãn hiệu, đã qua sử dụng), trị giá là 1.500.000 đồng; 01 (một) máy quạt công nghiệp nhãn hiệu Quạt Vina màu đen, loại đứng (đã qua sử dụng), trị giá là 800.000 đồng; 01 (một) máy quạt công nghiệp loại quạt bàn (không nhãn hiệu, đã qua sử dụng), trị giá là 900.000 đồng. Tổng trị giá là 3.200.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và các bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá tài sản số: 83/BBĐG-HĐĐGTS ngày 23/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự thành phố D - Ủy ban nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Tại cáo trạng số: 277/CT – VKS - DA ngày 27 tháng 7 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Xuân D về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân D với mức hình phạt từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù.

* Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave S, biển kiểm soát 49F1 – 020.76, số khung RLHJC4310B199479, số máy JC43E1765920, bị cáo Nguyễn Xuân D đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Qua điều tra xác minh ông Đặng Văn H, là người đứng tên trên giấy đăng ký xe mô tô nhưng đứng tên dùm xe mô tô trên cho ông Nguyễn Quang T2. Ông T2 cho bị cáo D mượn xe để làm phương tiện đi lại, việc D sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 49F1 – 020.76 thực hiện hành vi phạm tội, ông T2 không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã trả xe mô tô trên cho ông T2.

- Đối với 01 (một) máy cắt sắt (không nhãn hiệu, đã qua sử dụng); 01 (một) máy quạt công nghiệp nhãn hiệu Quạt Vina màu đen, loại đứng (đã qua sử dụng); 01 (một) máy quạt công nghiệp loại quạt bàn (không nhãn hiệu, đã qua sử dụng) là tài sản của ông Đậu Văn M nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã trả lại cho ông M.

- Đối với số tiền 1.200.000 đồng, ông Trần Đức T1 - là chủ tiệm mua bán phế liệu, không biết việc bị cáo D trộm cắp tài sản rồi đem đến bán cho ông T1 01 (một) máy cắt sắt (không nhãn hiệu, đã qua sử dụng) và 01 (một) máy quạt công nghiệp

nhãn hiệu Quạt Vina màu đen, loại đứng (đã qua sử dụng). Ông Trần Đức T1 đã giao nộp cho Cơ quan Công an nên cần trả lại số tiền trên cho ông T1.

* Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án đã thu hồi trả lại cho Đậu Văn M, bị hại M không yêu cầu gì khác nên trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận, đối đáp gì với đại diện Viện kiểm sát, đồng thời trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với bị hại Đậu Văn M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Trong các ngày 14/5/2023 và ngày 15/5/2023 tại số D, đường M - T, tổ B, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Nguyễn Xuân D có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) máy cắt sắt (không nhãn hiệu, đã qua sử dụng), 01 (một) máy quạt công nghiệp nhãn hiệu Quạt Vina màu đen, loại đứng (đã qua sử dụng) và 01 (một) máy quạt công nghiệp loại quạt bàn (không nhãn hiệu, đã qua sử dụng) của bị hại Đậu Văn M. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 3.200.000 đồng,

Như vậy, hành vi của bị cáo lén lút chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị 3.200.000 đồng của bị hại, đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số: 277/CT – VKS - DA ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu thể hiện bị cáo là người sử dụng trái phép chất ma túy và không có nghề nghiệp nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bản thân bị cáo là người sử dụng trái phép chất ma túy đồng thời hành vi phạm tội của bị cáo ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*. Tuy nhiên áp dụng phạt tù cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave S, biển kiểm soát 49F1 – 020.76, số khung RLHJC4310B199479, số máy JC43E1765920, bị cáo Nguyễn Xuân D đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Qua điều tra xác minh ông Đặng Văn H, là người đứng tên trên giấy đăng ký xe mô tô nhưng đứng tên dùm xe mô tô trên cho ông Nguyễn Quang T2. Ông T2 cho bị cáo D mượn xe để làm phương tiện đi lại, việc D sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 49F1 – 020.76 thực hiện hành vi phạm tội, ông T2 không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã trả xe mô tô trên cho ông T2 và đối với 01 (một) máy cắt sắt (không nhãn hiệu, đã qua sử dụng); 01 (một) máy quạt công nghiệp nhãn hiệu QuạtVina màu đen, loại đứng (đã qua sử dụng); 01 (một) máy quạt công nghiệp loại quạt bàn (không nhãn hiệu, đã qua sử dụng) là tài sản của ông Đậu Văn M nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã trả lại cho ông M nên không đặt ra xem xét

- Đối với số tiền 1.200.000 đồng, ông Trần Đức T1 - là chủ tiệm mua bán phế liệu, không biết việc bị cáo D trộm cắp tài sản rồi đem đến bán cho ông T1 01 (một) máy cắt sắt (không nhãn hiệu, đã qua sử dụng) và 01 (một) máy quạt công nghiệp nhãn hiệu Quạt Vina màu đen, loại đứng (đã qua sử dụng). Ông Trần Đức T1 đã giao nộp cho Cơ quan Công an nên cần trả lại số tiên trên cho ông Trần Đức T1.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án đã thu hồi trả lại cho bị hại Đậu Văn M, bị hại M không yêu cầu gì khác nên trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố D, tỉnh Bình Dương đưa ra những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo, xử lý vật chứng cũng như trách nhiệm dân sự là phù với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân D 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/5/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Trả lại cho ông Trần Đức T1 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đồng, theo Lệnh thanh toán ngày 28/7/2023 của Ngân hàng N1 – Chi nhánh thành phố D, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Nguyễn Xuân D phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt bản án hợp lệ./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**